

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST

Ngày 25 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Nhung và ông Nguyễn Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2022/TLST-HS ngày 07/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HS ngày 14/01/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn B - Sinh ngày: 13/3/1986, tại: tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Buôn T, xã E, huyện C tỉnh Đắk Lắk.

Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 11/12; con ông: Lê Văn T, sinh năm: 1946 và bà: Lê Thị K, sinh năm: 1950, trú tại: Thôn D, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; bị **cáo** có vợ là Nguyễn Thị Thành V, sinh năm: 1985, bị **cáo** có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2015, trú tại: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị **cáo** Lê Văn B bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 30/7/2021 đến ngày 30/8/2021, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh từ ngày 30/8/2021 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Ý N – Sinh năm: 1994, địa chỉ: Thôn T, xã P,

huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn Q – Sinh năm: 1979, địa chỉ: Xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

2. Ông Lê Văn Q1 – Sinh năm: 1973, địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Thắng B – Sinh năm: 1992, địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Thị Thành V – Sinh năm: 1985, Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Chị Phan Thị Hồng N, trú tại: Thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn B và chị Nguyễn Thị Ý N, trú tại: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có mối quan hệ tình cảm với nhau. Khoảng 21 giờ ngày 25/3/2021, B nói anh Nguyễn Thắng B (là bạn của B), chở B đi tìm chị N để nói chuyện (do B nghi ngờ chị N có bạn trai khác). Sau đó, anh B điều khiển xe mô tô biển số 47H1-659.xx, hiệu Honda Winer, màu xanh, chở B đi đến quán Karaoke T (là nơi chị N làm việc), địa chỉ: đường Y, phường T, thành phố B để chờ chị N. Đến khoảng 02 giờ ngày 26/3/2021, B thấy chị N điều khiển xe mô tô biển số 47E1-044.09, hiệu Honda Wave, màu trắng, chở chị Phan Thị Hồng N, trú tại: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đi ra từ hẻm Y nên nói B đuổi theo. Khi anh B và B đi đến phía trước số nhà G, phường T, thành phố B, anh B điều khiển xe đuổi kịp xe chị N, thì B xuống xe dùng tay rút chìa khóa xe của chị N, chặn xe chị N, còn anh B điều khiển xe mô tô 47H1-659.xx đi lên phía trước, một đoạn đứng đợi B nói chuyện với chị N. Quá trình nói chuyện, giữa B và chị N xảy ra tranh cãi, chị N xông vào lấy chìa khóa xe mô tô biển số 47E1-044.09 từ tay B, thì B bỏ chìa khóa xe vào túi quần và dùng tay đẩy chị N làm chị N, té ngã xuống đường. B dùng tay phải giật đứt 01 quai túi chị N đeo, chị N dùng hai tay giữ túi xách lại, thì B dùng tay trái giữ hai tay của chị N và dùng tay phải giật đứt quai túi còn lại, cầm túi xách đi về phía anh B ngồi lên xe mô tô, anh B điều khiển xe đi. Chị N bị B dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản nên tri hô cướp cướp. Trên đường đi, B nói với anh B việc B lấy túi xách của chị N để chị N gọi điện nói chuyện với B nên anh B không đồng ý chở B nữa và thả B xuống xe ở khu vực đường G và đường H, thành phố B để B

tự đi về, còn B bỏ đi. Sau đó, B đi xe Taxi (chưa rõ hãng, và biển số) về phòng trọ của B ở địa chỉ: H, phường T, thành phố B, rồi điều khiển xe mô tô biển số 47R3 – 28xx mang theo túi sách của chị N về nhà B, ở địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cất giấu. Tại đây, B kiểm tra túi xách của chị N phát hiện bên trong có các tài sản, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus, màu vàng có gắn ốp lưng màu xanh, 01 chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam đều mang tên Nguyễn Thị Ý N và số tiền 1.629.000 đồng, rồi B lấy số tiền 500.000 đồng của chị N và tiêu xài cá nhân hết 120.000 đồng. Số tiền 1.129.000 đồng còn lại, điện thoại Iphone 6s Plus, các giấy tờ tùy thân và chìa khóa xe mô tô của chị N, B bỏ vào trong túi xách của chị N và cất giấu trong cốp xe mô tô biển số 47H1-430.xx. Sau đó, B nhờ vợ là Nguyễn Thị Thành V lấy túi xách trong cốp xe mô tô biển số 47H1-430.xx mang vào trong nhà cất giữ hộ. Ngày 27/3/2021, B chuyển trả cho chị N số tiền 487.800 đồng (là số tiền B đã lấy tiêu xài) thông qua tài khoản của chị N tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Đ. Sau khi sự việc xảy ra, chị N đã trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 104/KL-HĐĐGTS ngày 29/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng, có gắn ốp lưng màu xanh, số Imei: 353337074594168, trị giá: 1.730.000 đồng; 01 túi xách màu trắng, có hoa văn màu đen, kích thước (18x12x09)cm, có quai đeo, trị giá: 100.000 đồng. Tổng trị giá tài sản: 1.830.000 đồng

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 05/01/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Lê Văn B về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và đúng theo nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn B phạm tội “*Cướp tài sản*”.

- Đề nghị : Xử phạt bị cáo Lê Văn B 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị Nguyễn Thị Ý N số tiền 1.509.000 đồng; 01 túi xách màu trắng, có hoa văn màu đen, bị đứt quai đeo; 01 quai đeo chất liệu da, màu trắng, bản rộng 1,5cm, dài 95cm, hai đầu có gắn móc khóa kim loại, đoạt ở giữa có khuy cài; 01 điện thoại di động Iphone 6s plus, màu vàng, có ốp lưng màu xanh; 01 chùm chìa khóa có 4 chìa khóa; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam đều mang tên Nguyễn Thị Ý N, nhận quản lý, sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Lê Văn B đã chuyển cho chị N số tiền 487.800 đồng (là số tiền bị cáo B lấy tiêu xài trong ví của chị N) thông qua tài khoản của chị N tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Đ. Chị Nguyễn Thị Ý N không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các vấn đề khác đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung như đã nêu tại bản Cáo trạng.

Bị cáo không tranh luận nội dung gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Khoảng 02 giờ ngày 26/3/2021, tại khu vực phía trước số nhà G, phường T, thành phố B, do mâu thuẫn trong quan hệ tình

cảm nên Lê Văn B có hành vi dùng vũ lực là dùng tay giữ hai tay của chị Nguyễn Thị Ý N nhằm chiếm đoạt tài sản của chị N, với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 3.459.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Lê Văn B về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Cụ thể:

Điều 168 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm”.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến **quyền sở hữu tài sản và sức khỏe** của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức rõ hành vi dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vẫn cố ý phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện trả lại cho bị hại số tiền 487.800 đồng, bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt, trước hành vi phạm tội ngày 26/3/2021 luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú rõ ràng; nguyên nhân xuất phát dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo cũng chỉ do mâu thuẫn nhất thời trong quan hệ tình cảm giữa bị cáo và bị hại; bị cáo hiện nay cũng đang là lao động chính trong gia đình đang phải nuôi 03 con nhỏ - Sinh năm 2010, 2012 và 2015, gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn (được Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk xác nhận), nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội, tạo điều kiện để bị cáo lao động kiếm thu nhập chăm lo cuộc sống cho các con.

[4] Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị Nguyễn Thị Ý N số tiền 1.509.000 đồng; 01 túi xách màu trắng, có hoa văn màu đen, bị đứt quai đeo; 01 quai đeo chất liệu da, màu trắng, bản rộng 1,5cm, dài 95cm, hai đầu có gắn móc khóa kim loại, đoạt ở giữa có khuy cài; 01 điện thoại di động Iphone 6s plus, màu vàng, có ốp lưng màu xanh; 01 chùm chìa khóa có 4 chìa khóa; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam đều mang tên Nguyễn Thị Ý N, nhận quản lý, sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Lê Văn B đã chuyển cho chị N số tiền 487.800 đồng (là số tiền bị cáo B lấy tiêu xài trong ví của chị N) thông qua tài khoản của chị N tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Đ. Chị Nguyễn Thị Ý N không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Thắng B, là người điều khiển xe mô tô biển số 47H1-659.xx chở bị cáo Lê Văn B đi, sau đó B thực hiện hành vi dùng vũ lực đẩy ngã chị Nguyễn Thị Ý N chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra xác định, anh Nguyễn Thắng B không bàn bạc, thống nhất với bị cáo B về việc chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Ý N, anh B không thấy và tham gia vào việc B cướp tài sản của chị N; sau khi nghe B kể về việc lấy túi xách của chị Nguyễn Thị Ý N, anh B đã không đồng ý chở B về phòng trọ của mình và cũng không nhận thức được hành vi của Lê Văn B là phạm tội nên, hành vi của anh Nguyễn Thắng B không đồng phạm với Lê Văn B về tội cướp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự và không cấu thành tội không tố giác tội phạm theo quy định tại Điều 390 Bộ luật hình sự, là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị Thành V, là người được bị cáo Lê Văn B cất giữ chiếc túi xách của chị Nguyễn Thị Ý N, tuy nhiên chị Vân không biết chiếc túi xách là tài sản do bị cáo B phạm tội mà có, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với anh Lê Văn Q1 là người cho bị cáo Lê Văn B mượn xe mô tô biển số 47R3-2833 và anh Lê Văn Q, là người cho bị cáo Lê Văn B mượn xe mô tô biển số 47H1-430.xx, làm phương tiện đi lại. Quá trình điều tra, anh Lê Văn Q1 không biết B sử dụng xe mô tô biển số 47R3-2833 để mang tài sản chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Ý N về nhà cất giấu và anh Lê Văn Q không biết việc bị cáo B cất giấu tài sản do phạm tội mà có trong cốp xe mô tô biển số 47H1-430.xx, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý đối

với anh Lê Văn Q1, anh Lê Văn Q và xe mô tô biển số 47R3-2833, xe mô tô biển số 47H1-430.xx, là phù hợp.

Đối với người lái xe taxi (chưa rõ biển số xe) chở bị cáo Lê Văn B về phòng trọ tại địa chỉ H, phường T, thành phố B, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau, là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn B phạm tội “*Cướp tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo **Lê Văn B**: 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn B cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Văn B cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Văn B phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo Lê Văn B phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp bị cáo Lê Văn B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[2] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị Nguyễn Thị Ý N số tiền 1.509.000 đồng; 01 túi xách màu trắng, có hoa văn màu đen, bị đứt quai đeo; 01 quai đeo chất liệu da, màu trắng, bản rộng 1,5cm, dài 95cm, hai đầu có gắn móc khóa kim loại, đoạt ở giữa có khuy cài; 01 điện thoại di động Iphone 6s plus, màu vàng, có ốp lưng màu xanh; 01 chùm chìa khóa có 4 chìa khóa; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam đều mang tên Nguyễn Thị Ý N, nhận quản lý, sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Lê Văn B đã chuyển cho chị N số tiền 487.800 đồng (là số tiền bị cáo B lấy tiêu xài trong ví của chị N) thông qua tài khoản của chị N tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Đ. Chị Nguyễn Thị Ý N không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lê Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND x. E, H. C, tỉnh Đắk Lắk
- Bị cáo;
- Cơ quan THAHS;
- Đường sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh